TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 03 năm 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tuân.
2. Bà Nguyễn Thu Hương
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng A
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc
Địa chỉ: số Z, Đường H, quận K, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng A
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Hữu H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện L - Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 238A/QĐ-QLRR ngày 19/12/2018 của Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Giang.
Địa chỉ: Ngân hàng A, chi nhánh Bắc Giang, số 02, đường G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1956

2. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

3. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Hữu H trình bày: Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 238A/QĐ-QLRR ngày 19/12/2018 của Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh Bắc Giang.

Ông Lê Văn H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang - Phòng Giao dịch L số hợp đồng 01/2017/406431/HĐTD ngày 15/8/2017. Số tiền vay là 395.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150 %/ lãi suất trong hạn; Mục đích vay là kinh doanh thức ăn chăn nuôi; Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 15/8/2017. Hạn trả nợ 15/02/2018. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả ba tháng một lần vào ngày 15.

Để bảo đảm tiền vay trên, ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị Nội có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ số Kim 1, diện tích 66,0 m2, địa chỉ thửa đất tại Kim 1, S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W072410, do UBND huyện L cấp ngày 27/01/2003 cho hộ ông Lê Văn S. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 217E/2013/HĐ ngày 22/8/2013

Ông H chưa trả được cho Ngân hàng tiền gốc, còn tiền lãi đã trả đến ngày 15/11/2017. Nay Ngân hàng khởi kiện ông H và bà Q phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2019 là 461.362.706 đồng, trong đó số tiền gốc là 395.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 47.600.206 đồng; Lãi quá hạn là 18.762.500 đồng. Trường hợp ông H, bà Q không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2019 thì tài sản thế chấp của ông Sáu, bà Nội từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay về đất không có gì thay đổi, tài sản trên đất anh H, chị Q có xây thêm công trình phụ hết đất.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng yêu cầu anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/3/2019 là 466.760.137 đồng, trong đó tiền gốc là 395.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 51.198.493 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.561.644 đồng. Trường hợp anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 217E/2013/HĐ ngày 22/8/2013 và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2019.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Q trình bày: Chị và anh H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, chị xác nhận vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền gốc 395.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để kinh doanh trả tiền thức ăn chăn nuôi, kinh doanh để phục vụ kinh tế chung của gia đình, khoảng một năm trở lại đây vợ chồng chị chưa trả được tiền lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng chị đồng ý trả nợ, do điều kiện khó khăn từ nay đến tháng 2/2019 vợ chồng chị sẽ thu xếp trả nợ cho Ngân hàng khoảng 100.000.000 đồng và đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng chị thời gian để thu xếp. Tài sản thế chấp nhà đất là của ông Sáu, bà Nội, sau khi thế chấp vợ chồng xây nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất. Trường hợp vợ chồng chị không trả được nợ, Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp, vợ chồng chị sẽ có ý kiến về tài sản trên đất sau.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S, bà Đỗ Thị N trình bày: Năm 2013 vợ chồng ông bà có ký hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo khoản vay của anh Lê Văn H là con trai ông bà tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, sau khi thế chấp anh H, chị Q có xây thêm công trình trên đất. Việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện các con ông bà không ai có ý kiến gì. Trường hợp anh H, chị Q không trả được nợ mà phải phát mại tài sản thế chấp để thù hồi nợ trả Ngân hàng vợ chồng ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho anh Lê Văn H đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

+ Ngày 22/01/2019, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa không số, tờ bản đồ số Kim 1 (Nay là thửa đất số 180; tờ bản đồ số 105), diện tích 66 m2 địa chỉ thửa đất tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 072410, do UBND huyện L cấp ngày 27/01/2003 cho hộ ông Lê Văn S. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, nhà cấp 4 diện tích 66 m2 xây hết đất.

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

+ Ngày 11/03/2019, Tòa án hoãn phiên tòa vì bà bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

+ Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và buộc anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải trả cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2019 là 466.760.137 đồng, trong đó tiền gốc là 395.000.000 đồng, tiền lãi là 71.760.137 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 51.198.493 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.561.644 đồng). Trường hợp anh H và chị Q không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị N theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn H, chị Phạm Thị Q, ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử

vắng mặt anh H, chị Q, ông Sáu và bà Nội là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng A và anh Lê Văn H là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Anh Lê Văn H có ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/406431/HĐTD ngày 15/8/2017 với Ngân hàng A vay số tiền 395.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Thời hạn vay là 06 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/02/2018. Phương thức thanh toán là tiền lãi trả ba tháng một lần vào ngày 15, tiền gốc trả vào cuối kỳ trả nợ. Anh H đã trả tiền lãi đến ngày 15/7/2017 đến nay anh H chưa trả được tiền gốc và tiền lãi, do vậy, anh H đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là "Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận " theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 01/2017/406431/HĐTD ngày 15/8/2017 thì thấy: Ngân hàng A có giải ngân cho anh H vay số tiền 395.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 9,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả một lần vào cuối kỳ; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả ba tháng một lần vào ngày 15, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/02/2018. Số tiền tạm tính đến hết ngày 27/3/2018, anh H còn nợ Ngân hàng là 466.760.137 đồng, trong đó tiền gốc là 395.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 51.198.493; tiền lãi quá hạn là 20.561.644 đồng. Anh H không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy anh H vi phạm Mục 7 của Hợp đồng tín dụng số 01/2017/406431/HĐTD ngày 15/8/2017, Ngân hàng khởi kiện anh H là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Anh H vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, chị Phạm Thị Q là vợ anh H, vì vậy chị Q phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà anh H còn nợ Ngân. Ngân hàng yêu cầu anh H và chị Q phải có trách nhiệm trả số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất không số, tờ bản đồ số Kim 1(Nay là thửa đất số 180; tờ bản đồ số 105), diện tích 66 m2 địa chỉ thửa đất tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 072410, do UBND huyện L cấp ngày 27/01/2003 cho hộ ông Lê Văn S. Theo Hợp đồng thế chấp số 217E/2013/HĐ ngày 22/8/2013 thì thấy: Ngày 22/08/2013 ông Lê Văn S và bà Đỗ Thị N ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 217E/2013/HĐ, với nội dung ông Sáu và bà Nội dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất không số, tờ bản đồ Kim 1, diện tích 66 m2 địa chỉ thửa đất tại Kim 1, S, L, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02056, do UBND huyện L cấp ngày 27/01/2013 cho hộ ông Lê Văn S để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên vay/Bên được bảo lãnh. Hợp đồng được Phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Giang chứng nhận số 1125, quyển số: 02/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 22/8/2013. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp số 217E/2013/HĐ ngày 22/8/2013 và phù hợp với Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận, do vậy anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 2.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải trả cho Ngân hàng A số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/406431/HĐTD ngày 15/8/2017 tính đến hết ngày 27/03/2019 là 466.760.137 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 395.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 71.760.137 đồng (Trong đó tiền lãi trong hạn là 51.198.493 đồng; tiền lãi quá hạn là 20.561.644 đồng).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 28/3/2019 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. 3. Trường hợp anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất không số, tờ bản đồ Kim 1(Nay là thửa đất số 180; tờ bản đồ số 105), diện tích 66 m2 địa chỉ thửa đất tại Kim 1, S, L, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W072410, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02056, do UBND huyện L cấp ngày 27/01/2003 cho hộ ông Lê Văn S. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 217E/2013/HĐ ngày 22/8/2013.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải chịu 22.670.405 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.921.913 đồng theo biên lai số AA/2016/0000124 ngày 24/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.5. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng A được nhận lại số tiền này khi anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Q nộp.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- *VKSND TP Bắc Giang;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngọ Thị Thanh Hảo